

# Bộ mã hóa vị trí MLO-POT-225-TLF

Số bộ phận: 152625

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                  | Giá trị                                                           |
|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)       | theo chỉ thị EMC của EU                                           |
| Nguyên tắc đo Hệ thống đo quang đường     | analog                                                            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh            | -30 °C...100 °C                                                   |
| dòng điện máy mài khuyến nghị             | 1 µA                                                              |
| Dòng gạt nước tối đa trong thời gian ngắn | 10 mA                                                             |
| Tốc độ di chuyển tối đa                   | 10 m/s                                                            |
| Gia tốc hành trình tối đa                 | 200 m/s <sup>2</sup>                                              |
| Độ phân giải đường                        | 0.01 mm                                                           |
| tuyến tính độc lập                        | 0,07 %                                                            |
| Hệ số nhiệt độ                            | 5 Ppm/k                                                           |
| Hành trình                                | 225 mm                                                            |
| Tín hiệu đầu ra                           | analog                                                            |
| Điện trở kết nối                          | 5 kOhm                                                            |
| Đầu nối khí chịu hóa chất                 | 20 %                                                              |
| Điện áp hoạt động danh định DC            | 10 V                                                              |
| Điện áp vận hành tối đa DC                | 42 V                                                              |
| Dao động điện áp cho phép                 | <1%                                                               |
| Tiêu thụ điện tối đa                      | 4 mA                                                              |
| Cổng nối điện                             | 4 chân<br>Dạng A<br>Phích cắm<br>theo DIN 43650<br>thiết kế vuông |
| Cấu trúc xây dựng                         | với băng che<br>với các ổ trượt<br>tiết diện mở                   |
| Bộ song song khớp nối                     | ± 1,5 mm                                                          |
| Độ bù góc thanh đẩy                       | ± 1 °                                                             |
| Vị trí lắp đặt                            | bất kỳ                                                            |
| trọng lượng sản phẩm                      | 900 g                                                             |
| Vật liệu vỏ                               | Hợp kim nhôm rèn<br>anốt hóa                                      |
| Vật liệu nắp che                          | Thép                                                              |

| Đặc tính                                              | Giá trị                                  |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Vật liệu vỏ bàn trượt                                 | Nhôm đúc áp lực<br>Nhựa                  |
| Vật liệu khớp nối bàn trượt                           | Thép                                     |
| Vật liệu phủ                                          | Nhựa                                     |
| Vật liệu giá đỡ lắp ráp                               | PEI                                      |
| Mức độ bảo vệ trên                                    | theo IEC 60529                           |
| Mức độ bảo vệ dưới cùng                               | theo IEC 60529                           |
| Khả năng chống rung theo DIN/IEC 68 phần 2-6          | được kiểm tra theo mức độ nghiêm trọng 2 |
| Khả năng chống sốc liên tục theo DIN/IEC 68 phần 2-82 | được kiểm tra theo mức độ nghiêm trọng 2 |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B2-L                           |